

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
VIẾT NÂNG CAO 2**

Số tín chỉ: 02

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

- 1. Tên học phần:** Viết nâng cao 2
- 2. Mã học phần:** NNTQ 042
- 3. Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 3 (Kỳ 2)
- 5. Phân bổ thời gian**
 - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 60 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Học sau học phần Viết nâng cao 1
- 7. Giảng viên**

| STT | Học hàm, học vị, họ tên | Số điện thoại | Email |
|-----|-------------------------|---------------|-----------------------|
| 1 | ThS. Trần Thị Lan Hương | 0977.612.288 | ttlhuong@saodo.edu.vn |
| 2 | ThS. Hứa Thị Xuyên | 0364.452.107 | htxuyen@saodo.edu.vn |
| 3 | ThS. Vũ Trọng Tuấn | 0988.735.498 | vttuan@saodo.edu.vn |
| 4 | ThS. Nguyễn Thị Xuyên | 0988.964.751 | ntxuyen@saodo.edu.vn |

8. Mô tả nội dung của học phần

- Học phần Viết nâng cao 2 gồm 5 bài. Mỗi bài cung cấp cách viết các loại thư mời, thông báo, thư giao dịch thương mại, cách viết bài diễn thuyết, các đoạn văn giới thiệu về quê hương, thành phố nơi mình đang sinh sống, giới thiệu các phong tục tập quán của quê hương... Ngoài ra học phần Viết nâng cao 2 còn cung cấp cho sinh viên hệ thống bài tập để sinh viên thực hành viết theo các thể loại đã học.

- Trình bày được cách viết các loại thư mời, thông báo, thư giao dịch thương mại, cách viết bài diễn thuyết, các đoạn văn giới thiệu về quê hương, thành phố nơi mình đang sinh sống, giới thiệu các phong tục tập quán của quê hương...

- Vận dụng kiến thức để viết các loại thư mời, thông báo, thư giao dịch thương mại, cách viết bài diễn thuyết, các đoạn văn giới thiệu về quê hương, thành phố nơi mình đang sinh sống, giới thiệu các phong tục tập quán của quê hương...

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

| Mục tiêu | Mô tả | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT |
|-----------------|---|-----------------------------------|---|
| MT1 | Kiến thức | | |
| | Trình bày được phương pháp và yêu cầu của cách viết miêu tả người, viết nhật ký du lịch, lời chào mừng, cảm ơn... Trình bày được cấu trúc của bài diễn thuyết, thư cảm ơn, thư chúc mừng trong giao dịch thương mại. | 3 | [1.2.1.2.a] |
| MT2 | Kỹ năng | | |
| | - Viết được câu dài, phức tạp với nhiều thành phần câu. - Sử dụng được thành ngữ, lối văn viết của người Trung Quốc - Viết được các bài văn 400 - 450 chữ về chủ điểm trong giáo trình. | 4 | [1.2.2.1] |
| MT3 | Mức tự chủ và chịu trách nhiệm | | |
| | Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống viết văn thực tế trong đời sống và trong công việc tương lai. | 4 | [1.2.3] |

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

| CDR học phần | Mô tả | Thang đo Bloom | Phân bổ CDR học phần trong CTĐT |
|---------------------|---|-----------------------|--|
| CDR1 | Kiến thức | | |
| CDR1.1 | Nắm được cách viết bài văn miêu tả người, nhật lý du lịch, bài diễn thuyết, thư mời, thư chúc mừng... | 3 | [2.1.4] [2.1.5] |
| CDR1.2 | Nắm một số quan hệ trong câu phức và các cụm liên từ thường dùng. | | |
| CDR1.3 | Nắm được cách thiết kế bài văn, triển khai ý. | | |
| CDR1.4 | Liệt kê được các từ vựng theo chủ điểm bài học. | | |
| CDR1.5 | Nắm được cách dùng của các thành ngữ, cách biểu đạt | | |

| CDR học phần | Mô tả | Thang đo Bloom | Phân bố CDR học phần trong CTĐT |
|---------------------|---|-----------------------|--|
| | thông dụng của người Trung trong bài học. | | |
| CDR1.6 | Nắm được các cấu trúc ngữ pháp xuất hiện trong bài học. | | |
| CDR2 | Kỹ năng | | |
| CDR2.1 | Viết về miêu tả người dựa trên đoạn văn cho sẵn. | 4 | [2.2.1] |
| CDR2.3 | Viết về nhật ký du lịch. | | |
| CDR2.4 | Viết về thư mời, thư cảm ơn, thư chúc mừng. | | |
| CDR2.5 | Viết bài diễn thuyết. | | |
| CDR2.6 | Viết bài văn từ 400 - 500 chữ theo chủ đề đã học. | | |
| CDR3 | Mức tự chủ và trách nhiệm | | |
| CDR3.1 | Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. | 4 | [2.3.1] |
| CDR3.2 | Tuân thủ đúng văn phong viết của người Trung Quốc. | | |
| CDR3.3 | Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu. | | |
| CDR3.4 | Có thái độ học tập và làm việc tích cực với nhiệm vụ được phân công. | | |

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

| Bài | Nội dung học phần | Chuẩn đầu ra của học phần | | | | | | | | | | | | | | | |
|-----|-------------------|---------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | | CDR1 | | | | | | CDR2 | | | | | | CDR3 | | | |
| | | CDR 1.1 | CDR 1.2 | CDR 1.3 | CDR 1.4 | CDR 1.5 | CDR 1.6 | CDR 2.1 | CDR 2.2 | CDR 2.3 | CDR 2.4 | CDR 2.5 | CDR 2.6 | CDR 3.1 | CDR 3.2 | CDR 3.3 | CDR 3.4 |
| 1 | 第一课. 给教材写人作文 | x | x | x | x | x | x | x | | | | x | x | x | x | x | x |
| 2 | 第二课. 游记 | x | x | x | x | x | x | | x | | | x | x | x | x | x | x |
| 3 | 第三课. 外贸交际常用书信 | x | x | x | x | x | x | | | x | | x | x | x | x | x | x |
| 4 | 第四课. 致词 | x | x | x | x | x | x | | | | x | x | x | x | x | x | x |
| 5 | 第五课. 讲话稿 | x | x | x | x | x | x | | | | x | x | x | x | x | x | x |

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

| Chuẩn đầu ra | Mức độ thành thạo được đánh giá |
|--------------|--|
| CĐR1 | Bài tập viết, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần. |
| CĐR2 | Bài tập viết, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần. |
| CĐR3 | Bài tập luyện viết trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần. |

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

| STT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | Ghi chú |
|-----|---|----------|----------|----------------------------------|
| 1 | Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần. | 01 điểm | 20% | Điểm trung bình các lần đánh giá |
| 2 | Kiểm tra giữa học phần | 01 điểm | 30% | |
| 3 | Thi kết thúc học phần | 01 điểm | 50% | |

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần. Hình thức: Tự luận.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài: 90 phút).
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài: 90 phút).

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

Tài liệu bắt buộc:

[1]- Trường Đại học Sao Đỏ (2019), *Tài liệu học tập Viết nâng cao 2*.

Tài liệu tham khảo:

[2]- Triệu Kiến Hoa chủ biên(2008), *汉语写作教程*, NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh.

[3]- Triệu Hồng Cẩm, Lã Văn Trân chủ biên(2011), 外贸写作, NXB Ngôn ngữ Bắc Kinh.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy – học

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|------------------|---|---|
| 1 | <p>第一课: 给教材写人作文</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng từ vựng trong bài. - Trình bày được cách viết bài văn miêu tả người theo tài liệu cho trước. - Nắm được và vận dụng được quan hệ giả thiết, điều kiện trong câu phức. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、指导 二、例文 三、常用语例解 四、练习 | 06 (6LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng, cấu trúc trong bài học. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 12. [2]: Trang 169 - 182. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập 1,2,3 trang 10-12. | CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.6, CDR2.1, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| 2 | <p>第二课. 游记</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài. - Nắm được cách viết nhật ký du lịch. <p>Nội dung cụ thể:</p> | 04 (4LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng, cấu trúc trong | CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.6, CDR2.2, |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|--|--------------------|---|---|
| | 一、指导 二、例文 三、常用语例解 四、练习 | | bài học. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 13 - 22. [2]: Trang 202 - 220. + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập 1,2,3 trang 20-22. | CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| 3 | 第三课. 外贸交际常用书信 Mục tiêu: - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ vựng, cấu trúc trong bài. - Trình bày được cách viết một bức thư mời, thư cảm ơn trong giao dịch thương mại... và các mẫu câu thường dùng. Nội dung cụ thể: A、邀请信 一、指导 二、例文 三、常用语理解 四、练习 Kiểm tra giữa học phần | 08 (6LT, 0TH, 2KT) | Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng, cấu trúc trong bài học. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 23 – 36. [3]: Trang 1 - 34. | CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.6, CDR2.3, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|------------------|---|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> + Đặt câu, trả lời câu hỏi của giảng viên. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập 1,2,3 trang 34 – 36. + Sinh viên làm bài kiểm tra. | |
| 4 | <p>第四课. 致词</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài. - Trình bày được cách viết lời chào mừng, cảm ơn, tạm biệt và các mẫu câu thông dụng. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>A、欢迎词</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、指导 二、例文 三、常用语理解 四、练习 <p>B、欢送词</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、指导 二、例文 三、常用语例解 四、练习 <p>C、告别词</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、指导 二、例文 三、常用语例解 四、练习 | 06 (6LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học. + Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng, cấu trúc trong bài học. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 36 - 51. [3]: Trang 79 - 96. + Trả lời câu hỏi, đặt câu. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập 1,2,3 trang 50 – 51. | CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.6, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| | <p>第五课：讲话稿</p> <p>Mục tiêu:</p> | 06 (6LT, | <p>Thuyết trình; Phương pháp động não; Tổ chức học</p> | CDR1.1, CDR1.2, |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|---------|--|---|
| 5 | <p>- Hiểu nghĩa và sử dụng đúng các từ vựng, cấu trúc trong bài.</p> <p>- Trình bày được cấu trúc, phân loại đặc tính của bài phát biểu và điểm cần lưu ý khi viết bài phát biểu.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、指导</p> <p>二、例文</p> <p>三、常用语例解</p> <p>四、练习</p> | 0TH) | <p>theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Trình bày cách dùng của từ vựng viết trong bài học.</p> <p>+ Yêu cầu sinh viên đặt câu với từ vựng, cấu trúc trong bài học.</p> <p>+ Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá sinh viên theo nhóm.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[1]: Trang 52 - 67.</p> <p>[4]: Trang 42 - 52.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Bài tập 1,2,3 trang 66 – 67.</p> | CDR1.3, CDR1.4, CDR1.5, CDR1.6, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

PHÓ BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiên

Nguyễn Thị Hoa